

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cát làm khuôn đúc tại
xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát của Công ty TNHH Thuận Phát**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 86/GP-UBND ngày 12/11/2010 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Thuận Phát được khai thác khoáng sản cát làm khuôn đúc tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát;

Trên cơ sở Biên bản Hội đồng thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định số 4654/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 358/TTr-STNMT ngày 12/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cát làm khuôn đúc tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát đã được UBND tỉnh cấp Công ty TNHH Thuận Phát theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 86/GP-UBND ngày 12/11/2010 với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ: để thanh lý tài nguyên thuộc diện tích đã khai thác hết trữ lượng; phải phục hồi môi trường khu vực đã khai thác theo Giấy phép số 86/GP-UBND ngày 12/11/2010.

2. Diện tích đóng cửa mỏ là 8,96 ha (gồm 02 khu vực), được giới hạn bởi các điểm góc theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng thực hiện: theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ của UBND tỉnh thông qua.

4. Thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ: 06 tháng.

5. Kinh phí thực hiện đóng cửa mỏ: bằng tiền Công ty TNHH Thuận Phát.

Điều 2. Công ty TNHH Thuận Phát có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ khối lượng và đúng tiến độ theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt.

2. Bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ theo quy định.

3. Báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định khi hoàn thành đề án để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ.

4. Đề nghị đóng cửa mỏ khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ cho Nhà nước, địa phương liên quan đến khai thác khoáng sản theo quy định trước khi đóng cửa mỏ.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc với cơ quan Thuế và UBND huyện Phù Cát để xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước và tiền đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng của Công ty liên quan đến việc khai thác khoáng sản tại mỏ đá trên trước khi đóng cửa mỏ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Định, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND xã Cát Hiệp, Giám đốc Công ty TNHH Thuận Phát và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tổng cục ĐC và KS VN;
- Cục KSHĐKS miền Trung;
- Lưu: VT, Kt.

[Chữ ký]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Chữ ký]

Trần Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Phụ lục số 1

**TOA ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN CÁT LÀM
KHUÔN ĐÚC TẠI XÃ CÁT HIỆP, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**
(Kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)



- Diện tích đóng cửa mỏ là 8,96 ha (gồm 02 khu vực), được giới hạn bởi các điểm góc có hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi 3 độ như sau:

TT	Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
		X (m)	Y (m)
KHU MỎ I: 55.546m ² (5,5546 ha)			
1	RG1	1.551.003	285.947
2	RG2	1.550.923	286.427
3	RG3	1.550.918	286.473
4	RG4	1.550.941	286.403
5	RG5	1.551.062	286.120
6	RG6	1.551.101	286.006
KHU MỎ II : 34.054 m ² (3,4054 ha)			
7	RG7	1.551.323	286.145
8	RG8	1.551.300	286.173
9	RG9	1.551.285	286.162
10	RG10	1.551.168	286.265
11	RG11	1.551.175	286.272
12	RG12	1.551.166	286.343
13	RG13	1.551.138	286.413
14	RG14	1.551.188	286.432
15	RG15	1.551.266	286.386
16	RG16	1.551.291	286.349
17	RG17	1.551.279	286.342
18	RG18	1.551.315	286.295
19	RG19	1.551.394	286.210
20	RG20	1.551.399	286.185
21	RG21	1.551.337	286.183

